

Bản án số 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày 24.01.2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Chi

2. Bà Huỳnh Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 414/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02//2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Từ Thị Ngọc T - Sinh năm 1990; Nơi cư trú: tổ 29a, phường T, quận H, thành phố Đ, (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Đặng Văn Đ - Sinh năm 1991, Nơi cư trú: Tổ 142, phường H, quận L, thành phố Đ, (Vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 18 tháng 10 năm 2017, Bản tự khai ngày 24 tháng 10 năm 2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Từ Thị Ngọc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đặng Văn Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2014; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Sau khi kết hôn, bà và ông Đ chung sống tại 32 Đức Lợi 1, tổ 29a, phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng - là nhà của cha mẹ bà.

Trong quá trình chung sống, giữa bà và ông Đ đã phát sinh mâu thuẫn ngay sau khi kết hôn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp về tính tình, quan điểm sống; ông Đ thường xuyên cá độ bóng đá, chơi lô đề, dẫn đến cầm cố xe. Bà phải nhiều lần trả nợ thay cho ông Đ. Tháng 9 năm 2016, bà và ông Đ thuê phòng trọ sống riêng để cho ông Đ cơ hội sửa chữa khuyết điểm, nhưng ông Đ vẫn không thay đổi. Từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay, bà và ông Đ đã sống ly thân.

Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông Đ, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

- Về con chung: Bà xác định bà và ông Đ không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định bà và ông Đ không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông Đ.

* Tại Bản tự khai ngày 25 tháng 10 năm 2017, bị đơn - ông Đặng Văn Đ trình bày thống nhất với trình bày của bà T về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, điều kiện kết hôn và địa điểm chung sống sau khi kết hôn. Ông xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp. Nay, ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông xác định không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, ông Đ vắng mặt lần hai, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Đặng Văn Đ, nhưng tại phiên tòa ông Đ vẫn vắng mặt lần hai, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về nội dung: Bà Từ Thị Ngọc T và ông Đặng Văn Đ đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông Đ, Hội đồng xét xử thấy:

Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông Đ đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà T trình bày là do vợ chồng không hợp về tính tình, quan điểm sống; ông Đ thường xuyên ham chơi cá độ, lô đề, dẫn đến nhiều lần phải cầm cố xe. Còn theo ông Đ trình bày là do vợ chồng không hợp. Việc ông

Đ đã có bản tự khai gửi đến Tòa án đồng ý ly hôn và không đến Tòa án để tham gia tố tụng đã thể hiện ông Đ không có mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T đối với ông Đ, xử cho bà T được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà T và ông Đ không có con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông Đ không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Từ Thị Ngọc T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Từ Thị Ngọc T đối với ông Đặng Văn Đ về việc “Tranh chấp ly hôn”.

* Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho bà T được ly hôn với ông Đ.

* Về con chung: Bà T và ông Đ không có con chung.

* Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông Đ không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Từ Thị Ngọc T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0000635 ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trình hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- UBND. phường Thuận Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy